

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN**

Số: 364/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ninh Thuận, ngày 13 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện nông thôn mới huyện Ninh Hải  
tỉnh Ninh Thuận đến năm 2040**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật xây dựng;

Căn cứ Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng hiện hành;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của Nhiệm vụ và Đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 315/NQ-UBND ngày 18/12/2019 của Hội đồng nhân dân huyện Ninh Hải về việc thông qua đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện nông thôn mới huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2040;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3447/TTr-SXD ngày 20/10/2020 và Báo cáo Kết quả thẩm định số 3446/SXD-QLQHKT&NO ngày 20/10/2020,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện nông thôn mới huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2040, với nội dung trọng tâm như sau:



### 1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch:

Tỉnh Ninh Thuận là 1 trong 8 tỉnh được chọn thí điểm thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện giai đoạn 2017 – 2020. Bộ Xây dựng đã có văn bản số 2187/BXD-QHKT ngày 15/09/2017 về việc thực hiện Quyết định số 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ, yêu cầu các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lựa chọn huyện thí điểm lập quy hoạch xây dựng vùng theo quy định.

Ninh Hải là cửa ngõ phía Đông Bắc của thành phố Phan Rang - Tháp Chàm. Diện tích tự nhiên là 253,58 km<sup>2</sup>, dân số năm 2018 là 94.424 người. Huyện có thị trấn Khánh Hải và 8 xã (Hộ Hải, Nhơn Hải, Phương Hải, Tân Hải, Thanh Hải, Tri Hải, Vĩnh Hải, Xuân Hải), hệ thống giao thông thuận lợi gồm Quốc lộ 1, đường ĐT.702 (đường ven biển), ĐT.704, ĐT.705, đường sắt Bắc – Nam, cảng cá Ninh Chữ, bến cá Mỹ Tân. Trong tương lai có đường cao tốc, đường sắt cao tốc Bắc Nam, cảng biển Ninh Chữ, cảng Vĩnh Hy sẽ tạo bước đột phá cho huyện Ninh Hải phát triển kinh tế xã hội, đóng góp vào sự phát triển chung của tỉnh Ninh Thuận và cả nước. Theo Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã xác định Ninh Hải có vị trí quan trọng trong tiểu vùng phía Bắc tỉnh Ninh Thuận, là trung tâm du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, dịch vụ hậu cần nghề cá; là huyện trọng điểm xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 24/5/2011 của Tỉnh ủy về “Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng thực hiện chủ trương xây dựng nông thôn mới đến năm 2020”, đánh giá cao những kết quả đã đạt được trong thời gian qua, cùng với tiềm năng và lợi thế vốn có, Ninh Hải đã được tỉnh chọn là huyện thí điểm tham gia Đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện giai đoạn 2017-2020. Để thực hiện có hiệu quả các giải pháp khai thác và phát huy thế mạnh của địa phương, quản lý, khai thác không gian đô thị - nông thôn, không gian phát triển nông nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ, du lịch,... gắn với việc gìn giữ các giá trị sinh thái và nhân văn, đáp ứng các tiêu chí huyện nông thôn mới thì việc lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện nông thôn mới huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2040 là rất cần thiết và cấp bách, tạo điều kiện thuận lợi để Ninh Hải trở thành huyện nông thôn mới của tỉnh Ninh Thuận trong thời gian tới và phấn đấu là huyện nông thôn mới kiểu mẫu của tỉnh và cả nước.

### 2. Mục tiêu của đề án:

Triển khai đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn huyện Ninh Hải theo Quyết định số 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ và thực hiện hiệu quả Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Hoàn thành mục tiêu huyện Ninh Hải đạt chuẩn nông thôn mới.

Quy hoạch tổ chức không gian đô thị, dân cư nông thôn, nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, du lịch, khu chức năng đặc thù và hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong địa giới hành chính huyện Ninh Hải phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội đến năm 2040.



Xác định vùng động lực phát triển kinh tế, định hướng phát triển kinh tế xã hội theo hướng bền vững.

Hình thành trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất cấp huyện gắn với các đô thị, trung tâm xã, cụm công nghiệp kết nối thuận lợi với hệ thống hạ tầng khung, phát triển nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, du lịch gắn với vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn của huyện; đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, yêu cầu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017 – 2020 và các định hướng xây dựng vùng huyện Ninh Hải đến năm 2040.

### 3. Tính chất khu vực nghiên cứu:

Là huyện nằm trong vùng đô thị hóa, có tỷ lệ đô thị hóa cao.

Là trung tâm động lực về phát triển kinh tế biển, trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá phía Bắc tỉnh Ninh Thuận.

Là trung tâm phát triển du lịch phía Bắc của tỉnh, trung tâm du lịch biển, du lịch sinh thái; phát triển khu vực Ninh Chữ, Bình Tiên – Vĩnh Hy thuộc khu du lịch quốc gia và khu vực phía Bắc là du lịch cao cấp.

Trung tâm nông nghiệp chuyên canh, nông nghiệp công nghệ cao.

Có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng phía Bắc tỉnh Ninh Thuận.

### 4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đồ án quy hoạch:

#### 4.1. Phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch:

Phạm vi nghiên cứu có mối quan hệ với vùng Duyên hải Nam Trung bộ, vùng Tây Nguyên và vùng tỉnh Ninh Thuận.

Phạm vi quy hoạch xây dựng vùng trong phạm vi ranh giới toàn huyện Ninh Hải, bao gồm thị trấn Khánh Hải và 8 xã (Tân Hải, Hộ Hải, Xuân Hải, Phương Hải, Tri Hải, Nhơn Hải, Vĩnh Hải, Thanh Hải), được giới hạn bởi:

- Phía Bắc giáp : huyện Thuận Bắc.
- Phía Tây Nam giáp : thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.
- Phía Tây giáp : huyện Bác Ái.
- Phía Đông và Nam giáp : biển Đông.
- Quy mô lập quy hoạch: Tổng diện tích tự nhiên 253,58 km<sup>2</sup>.

#### 4.2. Quy mô dân số:

##### 4.2.1. Quy mô dân số toàn vùng huyện:

- Dự kiến đến năm 2020: Khoảng 95.000 – 100.000 người.
- Dự kiến đến năm 2025: Khoảng 105.000 – 110.000 người.
- Dự kiến đến năm 2030: Khoảng 110.000 – 120.000 người.
- Dự kiến đến năm 2040: Khoảng 130.000 – 140.000 người.

##### 4.2.2. Quy mô dân số đô thị và tỷ lệ đô thị hóa:

###### a) Dự báo tỷ lệ đô thị hóa:

Dự báo tỷ lệ đô thị hóa của Ninh Hải đến năm 2020 là 18-20%, năm 2025 là 35-42%, năm 2030 là 50-56% và năm 2040 là 60-65%.

###### b) Dự báo dân số đô thị:

- Đến năm 2020: Khoảng 18.000 – 20.000 người.
- Đến năm 2025: Khoảng 40.000 – 45.000 người.



- Đến năm 2030: Khoảng 60.000 – 65.000 người.
- Đến năm 2040: Khoảng 85.000 – 90.000 người.

#### 4.2.3. Dự báo dân số nông thôn:

- Đến năm 2020: Khoảng 75.000 – 80.000 người.
- Đến năm 2025: Khoảng 60.000 – 65.000 người.
- Đến năm 2030: Khoảng 50.000 – 55.000 người.
- Đến năm 2040: Khoảng 45.000 - 50.000 người.

#### 4.3. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính phát triển vùng:

Bảng chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chính:

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Đến năm 2020	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2040
1	<b>Dân số toàn huyện</b>	1000 người	95 - 100	105-110	110-120	130-140
2	<b>Tỷ lệ đô thị hóa</b>	%	18 - 20	35 - 42	50 - 56	60 - 65
3	<b>Chỉ tiêu về đất đai</b>					
3.1	Đất xây dựng đô thị	m2/người	120-140	150-170	180-200	190-250
3.2	Đất xây dựng khu dân cư nông thôn	m2/người	100-140	120-150	120-160	150-200
4	<b>Chỉ tiêu cây xanh đô thị</b>	<b>m2/người</b>				
-	Các đô thị	m2/người	5	>5	> 6	> 6
-	Các điểm dân cư nông thôn	m2/người	> 2	>2	> 3	> 3
5	<b>Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật</b>					
5.1	<b>Giao thông</b>					
-	Tỷ lệ đất giao thông	% đất XD đô thị	18 - 20	18-22	18-25	18-25
5.2	<b>Chỉ tiêu cấp điện</b>					
-	Các đô thị	KWh/người.năm	400	400	1000	1000
-	Các điểm dân cư nông thôn	KWh/người.năm	240	240	600	600
-	Công nghiệp	kW/ha	200	200	200	200
5.3	<b>Chỉ tiêu cấp nước</b>					
-	Sinh hoạt (Qsh)	lít/người/ngày				
	Các đô thị		100	100	120	120
	Các điểm dân cư nông thôn		80	80	100	100
-	Công nghiệp	m3/ha.ngđ	25-45	25-45	25-45	25-45
-	Công cộng	%Qsh	10	10	10	10
5.4	<b>Chỉ tiêu thải nước</b>					
-	Sinh hoạt (Qsh)	lít/người/ngày				
	Các đô thị		80	80	90-100	90-100
	Các điểm dân cư nông thôn		60-70	60-70	80	80
6	<b>Chỉ tiêu về diện tích sàn nhà ở</b>					
-	Đô thị	m2/người	23	25	30	30-35
-	Nông thôn	m2/người	17	18	20	25



## 5. Động lực phát triển vùng.

Phát triển các vùng đô thị: đô thị Khánh Hải - khu đô thị Đầm Nại, đô thị Thanh Hải.

Phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp: khai thác khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến muối công nghiệp, chế biến thủy sản xuất khẩu, cơ khí sửa chữa, đóng mới tàu thuyền,... và các sản phẩm tiểu thủ công nghiệp: nước mắm, đan lát, trang trí hàng mỹ nghệ,...

Phát triển công nghiệp năng lượng: điện mặt trời, điện gió.

Phát triển thương mại dịch vụ.

Phát triển du lịch: Du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, du lịch sinh thái ở Hòn Đỏ, Vĩnh Hy, Vườn quốc gia Núi Chúa, tham quan khu bảo tồn rùa biển và dải san hô. Xây dựng cảng du lịch Vĩnh Hy. Đặc biệt, dải ven biển khu vực Vĩnh Hy sẽ định hướng trở thành khu trung tâm du lịch biển của tỉnh Ninh Thuận, là khu vực phát triển dịch vụ du lịch và các chức năng đô thị, dịch vụ gắn với không gian mặt nước đầm Vĩnh Hy, làng chài Vĩnh Hy và cảnh quan sinh thái núi. Mặt khác, trong thời gian tới hình thành Vĩnh Hy là khu du lịch, dịch vụ, tạo động lực cho khu vực Vĩnh Hy và phía Bắc tỉnh Ninh Thuận phát triển thành trung tâm du lịch sinh thái và khu nghỉ dưỡng biển cao cấp, là tiền đề để phát triển đô thị sau này.

Phát triển nông nghiệp công nghệ cao: các vùng chuyên canh trồng lúa, nho sạch, rau an toàn, giống thủy sản công nghệ cao; vùng trồng cây công nghiệp, cây ăn quả cao sản, cây hàng năm.

## 6. Quy hoạch sử dụng đất:

Đất xây dựng đô thị: năm 2020 khoảng 250 ha, đến năm 2025 khoảng 500 – 700 ha, đến năm 2030 khoảng 1.000 – 1.200 ha, đến năm 2040 khoảng 2.000 – 2.300 ha.

Đất các khu du lịch, danh lam, thắng cảnh: năm 2020 khoảng 120 - 150ha, đến năm 2025 khoảng 200 – 300 ha, đến năm 2030 khoảng 500 - 700 ha, đến năm 2040 khoảng 900 – 1.000 ha.

Đất công nghiệp tập trung: đến năm 2025 khoảng 10 ha, năm 2030 khoảng 30 ha, năm 2040 khoảng 40 ha; tăng tỷ lệ lấp đầy, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

Đất xây dựng khu dân cư nông thôn: năm 2020 khoảng 720 - 750 ha, đến năm 2025 khoảng 750 - 760 ha, đến năm 2030 khoảng 760 - 770 ha, đến năm 2040 khoảng 770 - 800 ha.

## 7. Định hướng phát triển không gian vùng:

### 7.1. Quan điểm phát triển:

Đặt sự phát triển của vùng huyện Ninh Hải trong bối cảnh phát triển tương lai của quốc gia và tỉnh Ninh Thuận.

Phát triển bền vững và hài hòa về kinh tế, an sinh xã hội, thoát nghèo bền vững, an ninh quốc phòng, bảo vệ môi trường.

Phát triển cơ cấu kinh tế hợp lý, khai thác tài nguyên đặc trưng cho phát triển



từng tiểu vùng.

Phát triển có trọng điểm, trọng tâm, xây dựng kết cấu hạ tầng khung đồng bộ.

### 7.2. Tầm nhìn:

Là trung tâm du lịch của tỉnh, hướng đến trở thành khu du lịch quốc gia, là vùng phát triển đô thị hiện đại kết nối với vùng đô thị trung tâm thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

Là vùng phát triển du lịch sinh thái biển - rừng đặc trưng kết nối với vùng Duyên hải Nam Trung bộ, vùng Tây Nguyên, quốc gia và quốc tế.

Là vùng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, có vai trò bảo tồn rừng cảnh quan và đa dạng sinh học của tỉnh Ninh Thuận.

Là vùng có chất lượng cuộc sống tốt, có khả năng thích ứng cao, hướng tới phát triển cân bằng và bền vững.

### 7.3. Cấu trúc không gian vùng:

#### 7.3.1. Cấu trúc hành lang kinh tế trọng điểm:

Trục hành lang kinh tế đô thị quốc gia Quốc lộ 1: liên kết vùng huyện Ninh Hải với TP. Phan Rang – Tháp Chàm, các vùng kinh tế trong và ngoài tỉnh, liên hệ trực tiếp với tỉnh Khánh Hòa, Lâm Đồng và vùng Duyên hải Nam Trung bộ.

Trục đường sắt Bắc – Nam, đường sắt tốc độ cao: liên kết vùng huyện Ninh Hải với các vùng kinh tế quan trọng trong cả nước, có vai trò quan trọng đối với vận chuyển hành khách và hàng hóa, kết nối các đô thị, hành lang công nghiệp, các cụm du lịch của vùng tỉnh Ninh Thuận.

Trục hành lang kinh tế ven biển ĐT.702: kết nối các đô thị, các cụm điểm du lịch, các cảng biển trong huyện, tỉnh Ninh Thuận và liên hệ với vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.

Trục hành lang kinh tế Đông Tây – ĐT.705, đường vành đai TP. Phan Rang – Tháp Chàm: kết nối vùng huyện Ninh Hải với các vùng huyện Thuận Bắc, Bác Ái, Ninh Sơn và vùng tỉnh Lâm Đồng.

#### 7.3.2. Cấu trúc không gian các vùng đô thị - công nghiệp tập trung:

Vùng đô thị thị trấn Khánh Hải – khu đô thị ven Đầm Nại, cụm công nghiệp Tri Hải.

Vùng đô thị Thanh Hải.

#### 7.3.3. Cấu trúc vùng cảnh quan và không gian mở:

Hệ thống kênh Bắc, Nha Trinh – Lâm Cẩm, suối Đồng Nha, Ông Kinh, Nước Ngọt; hồ Ông Kinh, hồ Nước Ngọt,... cùng với các bờ biển tạo nên khung cảnh quan dọc biển, suối, hồ đa dạng, đặc sắc trong vùng.

Vùng cảnh quan tự nhiên bao gồm vườn quốc gia Núi Chúa, vùng sản xuất nông nghiệp, rừng ngập mặn, Đầm Nại kết nối vùng trung tâm và các cực trong vùng thành cấu trúc không gian cảnh quan sinh thái, bền vững.

### 7.4. Định hướng tổ chức phát triển không gian vùng đến năm 2025:



#### 7.4.1. Phân vùng phát triển kinh tế:

Vùng huyện Ninh Hải được phân thành 2 vùng phát triển kinh tế như sau :

- Vùng đô thị - công nghiệp - dịch vụ: Bao gồm thị trấn Khánh Hải, xã Hộ Hải, Xuân Hải, Tân Hải, Phương Hải, Tri Hải. Trong đó thị trấn Khánh Hải là trung tâm của tiểu vùng. Nằm trong bán kính ảnh hưởng của vùng trung tâm TP. Phan Rang – Tháp Chàm và phụ cận nên thị trấn Khánh Hải và khu đô thị ven Đầm Nại là vùng động lực phát triển mạnh đô thị – công nghiệp – dịch vụ. Thế mạnh của vùng là phát triển đô thị, thương mại dịch vụ, du lịch sinh thái, phát triển công nghiệp, phát triển nông nghiệp, thủy sản, phát triển mạng lưới không gian xanh.

- Vùng kinh tế phía Đông của huyện: Bao gồm xã Nhơn Hải, Thanh Hải, Vĩnh Hải. Đô thị Thanh Hải là đô thị trung tâm vùng của tiểu vùng. Thế mạnh của vùng là phát triển đô thị, phát triển trung tâm thương mại dịch vụ; du lịch nghỉ dưỡng cao cấp; phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, các làng nghề truyền thống; phát triển nông nghiệp, thủy sản, phát triển mạng lưới không gian xanh để bảo tồn đa dạng sinh học trong vườn quốc gia Núi Chúa.

#### 7.4.2. Phân vùng hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn :

##### a) Phân vùng hệ thống đô thị :

- Dự báo hệ thống đô thị:

+ Năm 2020: có 1 đô thị, là thị trấn Khánh Hải – đô thị loại V.

+ Đến năm 2025 - 2030: có 2 đô thị loại V bao gồm thị trấn Khánh Hải mở rộng đến khu đô thị ven Đầm Nại và đô thị Thanh Hải.

+ Đến năm 2040: có 2 đô thị, trong đó 01 đô thị loại IV (thị trấn Khánh Hải mở rộng đến khu đô thị ven Đầm Nại), 01 đô thị loại V (đô thị Thanh Hải).

+ Đến thời điểm phù hợp, khi đảm bảo các điều kiện theo yêu cầu sẽ thực hiện các thủ tục sáp nhập thị trấn Khánh Hải vào thành phố Phan Rang – Tháp Chàm theo quy định.

- Định hướng hệ thống đô thị:

+ Đô thị trung tâm vùng huyện: Thị trấn Khánh Hải đến năm 2025 mở rộng đến khu đô thị ven Đầm Nại, đến năm 2040 đạt tiêu chí đô thị loại IV. Là trung tâm hành chính của huyện Ninh Hải; trung tâm kinh tế biển, du lịch nghỉ dưỡng biển gắn với Đầm Nại, là đô thị vệ tinh liền kề của thành phố Phan Rang – Tháp Chàm. Phạm vi bao gồm ranh giới thị trấn Khánh Hải và một phần các xã Hộ Hải, Tân Hải, Phương Hải, Tri Hải.

+ Đô thị trung tâm tiểu vùng: Đô thị Thanh Hải là đô thị loại V, trung tâm vùng phía Đông Nam của huyện, trung tâm thương mại dịch vụ và du lịch cấp vùng; trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá khu vực phía Bắc, trung tâm công nghệ biển của tỉnh; có vai trò quan trọng về An ninh Quốc phòng. Phạm vi bao gồm toàn bộ ranh giới xã Thanh Hải, một phần xã Nhơn Hải và Vĩnh Hải.

- Phát triển các đô thị theo hướng đô thị tăng trưởng xanh, đô thị thông minh bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu.

##### b) Phân vùng hệ thống điểm dân cư nông thôn :



- Năm 2020: 100% các xã đạt chuẩn nông thôn mới và hoàn thiện Tiêu chí 6 (Sản xuất) đảm bảo Ninh Hải đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2020. Cải tạo nâng cấp các khu dân cư hiện hữu.

- Đến năm 2025: phát triển giai đoạn đầu khu đô thị ven Đầm Nại (đô thị hóa khu vực xã Hộ Hải dọc quốc lộ 1) và bước đầu hình thành đô thị Thanh Hải. Phát triển khu vực Vĩnh Hy thành khu dân cư, dịch vụ du lịch, tạo động lực phát triển du lịch phía Bắc tỉnh Ninh Thuận. Hình thành trung tâm cụm xã Xuân Hải với các xã trong cụm là Hộ Hải, Tân Hải, Xuân Hải.

- Đến năm 2030: phát triển mạnh đô thị Thanh Hải và thị trấn Khánh Hải mở rộng đến khu đô thị ven Đầm Nại (đô thị hóa một phần xã Tân Hải, Phương Hải, Tri Hải). Phát triển khu vực Vĩnh Hy với các tiêu chí đô thị đặc thù phục vụ du lịch. Cải tạo nâng cấp các khu dân cư hiện hữu, hình thành và phát triển các khu dân cư mới, khai thác hiệu quả hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội. Xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu. Phát triển các loại hình nhà ở nông thôn gắn với sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, nhà ở nông thôn gắn với du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, gắn với các vùng chuyên canh,... phù hợp với nhu cầu về nhà ở và phát triển kinh tế hộ gia đình.

- Đến năm 2040: Xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng các khu dân cư. Phát triển mạnh khu vực Vĩnh Hy đáp ứng tiêu chí đô thị loại V. Là tiền đề để hình thành đô thị du lịch Vĩnh Hy sau năm 2040, tạo động lực phát triển kinh tế xã hội cho khu vực phía Bắc tỉnh Ninh Thuận.

#### 7.4.3. Vùng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:

Vùng công nghiệp tập trung Tri Hải - Nhơn Hải:

- Hình thành cụm công nghiệp Tri Hải quy mô 40 ha với các ngành công nghiệp chính: chế biến thực phẩm (nông sản, thủy sản đông lạnh, đồ hộp, nước mắm, rượu vang nho, sản phẩm từ nho, táo, rong biển,...), sản phẩm sau muối và hóa chất sau muối, dược mỹ phẩm, cơ khí, máy phục vụ nông nghiệp,...

- Các nhà máy xi măng, gạch tuy nen, đóng tàu Khánh Hội, sản xuất gạch block, khai thác đá granit ở Tri Hải, Thanh Hải, Nhơn Hải, Vĩnh Hải,...

Tiểu thủ công nghiệp: Phát triển làng nghề Thủ công mỹ nghệ từ hạt cây rừng thôn Cầu Gãy (Vĩnh Hải), sản xuất và chế biến thuốc Nam ở Xuân Hải. Xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm đặc thù: thủ công mỹ nghệ, thuốc nam, chế biến nông, thủy sản. Mở rộng quy mô cơ sở tiểu thủ công nghiệp tại các xã như: xay xát lương thực, sấy nông sản, chế biến thực phẩm, mộc dân dụng, cơ khí sửa chữa, may mặc, giày dép,...

7.4.4. Vùng du lịch: Huyện Ninh Hải là vùng phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch cao cấp thuộc; là trung tâm phát triển du lịch phía Bắc của tỉnh, điểm đến hấp dẫn trên tuyến du lịch ven biển vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. Trọng điểm là Khu du lịch quốc gia Ninh Chữ thuộc Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Cụm du lịch Ninh Chữ - Đầm Nại: phát triển du lịch biển, thể thao biển (luợt ván điều), du lịch tâm linh, du lịch sinh thái rừng ngập mặn Đầm Nại gắn với không gian du lịch TP. Phan Rang – Tháp Chàm.



- Cụm du lịch Vĩnh Hy: phát triển du lịch biển cao cấp gắn với bảo tồn đa dạng sinh học Vườn quốc gia Núi Chúa (thuộc Khu dự trữ sinh quyển thế giới). Vĩnh Hy được công nhận là 1 trong 21 di tích, danh lam thắng cảnh cấp quốc gia.

- Cụm du lịch Thanh Hải – Vĩnh Hải: phát triển du lịch nghỉ dưỡng biển, thể thao biển (trung tâm lướt ván điều Quốc tế) gắn với khu bảo tồn rùa biển Thái An, rạn san hô, du lịch cộng đồng homestay, du lịch tham quan vườn nho công nghệ cao,...

#### 7.4.5. Vùng nông, lâm nghiệp, thủy sản:

##### a) Vùng nông nghiệp:

- Chuyển đổi đất sản xuất nông nghiệp ở một số khu vực để trồng loại cây đặc hữu của địa phương như nho, táo, tỏi, măng tây xanh, nha đam,.... Chuyển đổi đất sản xuất lúa kém hiệu quả, thiếu nước tưới sang mô hình cây trồng cận thích nghi với hạn. Quy hoạch vùng trồng măng tây xanh ở thôn An Nhơn xã Xuân Hải, vùng trồng lúa giáp ranh sân bay Thành Sơn (xã Xuân Hải) thành vùng trồng cây nho, táo,...., vùng phía Bắc xã Tri Hải (giáp huyện Thuận Bắc) thành vùng trồng cây hàng năm (rau, đậu,...). Diện tích lúa còn lại quy hoạch thành vùng trồng lúa chất lượng cao ở xã Xuân Hải, Hộ Hải, Phương Hải, Tân Hải.

- Vùng trồng rau chuyên canh tập trung ở Hộ Hải, Xuân Hải, Nhơn Hải. Vùng trồng nho ở thị trấn Khánh Hải, xã Vĩnh Hải cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến; vùng trồng hoa màu, táo,... ở Nhơn Hải, Vĩnh Hải. Vùng trồng tỏi, hành ở Vĩnh Hải, Thanh Hải, Nhơn Hải. Quy hoạch vùng sản xuất ứng dụng công nghệ cao: vùng sản xuất rau Nhơn Hải, vùng sản xuất nho Vĩnh Hải gắn với phát triển du lịch nông nghiệp.

- Phát triển chăn nuôi (dê, cừu, heo, bò,...) theo mô hình trang trại, hộ gia đình gắn với quy hoạch đồng cỏ ở Xuân Hải, Nhơn Hải và hoạt động du lịch.

##### b) Vùng lâm nghiệp:

- Bảo tồn và phát triển tính đa dạng sinh học của Vườn quốc gia Núi Chúa, phát triển rừng với du lịch sinh thái dưới tán rừng. Bảo vệ rừng, nâng cao độ che phủ rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc bằng các biện pháp khoanh nuôi tái sinh và trồng mới. Trồng rừng gắn với tạo sinh kế dưới tán rừng nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu, cải thiện cuộc sống của người dân nhận rừng khoán quản. Nạo vét, tăng diện tích trồng rừng ngập mặn ở Đầm Nại để bảo vệ hệ sinh thái.

- Phát triển vùng trồng dược liệu (xen canh dưới tán rừng) tại vùng đệm của Vườn Quốc gia Núi Chúa. Từng bước hình thành vùng nguyên liệu phục vụ chế biến, xuất khẩu dược liệu và các sản phẩm từ dược liệu.

##### c) Vùng thủy sản:

- Vùng nuôi mặn, lợ: nuôi trồng thủy sản ở Đầm Nại (tôm sú, tôm thẻ chân trắng, các đối tượng hải đặc sản, trồng rong sụn, rong nho). Phát triển mô hình nuôi thủy sản sinh thái kết hợp với trồng rừng ngập mặn trong ao nuôi.

- Vùng nuôi khơi: tập trung tại xã Nhơn Hải, Thanh Hải, chủ yếu là tôm giống và nuôi tôm thương phẩm. Phát triển nuôi lồng bè trên biển với công nghệ nuôi hiện đại nhằm giảm sức tải môi trường. Đảm bảo hài hòa giữa phát triển nghề nuôi trồng



thủy sản và mỹ quan để phát triển du lịch biển; bảo tồn san hô tại khu vực, giải quyết các vấn đề về môi trường.

- Sản xuất giống thủy sản: vùng sản xuất giống tập trung Nhơn Hải, hướng đến sản xuất tôm giống bố mẹ. Ứng dụng công nghệ sản xuất hiện đại, nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất giống và nuôi trồng thủy sản.

- Đẩy mạnh khai thác thủy sản xa bờ, ổn định khai thác ven bờ. Phát triển cơ sở hạ tầng nghề cá, nâng cấp cảng cá Ninh Chữ thành khu neo đậu tàu thuyền an toàn khu vực Miền Trung, bến cá Mỹ Tân thành trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá khu vực phía Bắc của tỉnh.

d) Vùng làm muối: Ổn định diện tích đất làm muối hiện có, khoảng 1.500 – 1600 ha, ứng dụng khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng muối. Quy hoạch dự án khu kinh tế muối công nghiệp và xuất khẩu Bắc Tri Hải – Nhơn Hải. Chuyển đổi một phần đất chưa sử dụng ven chân núi Quýt thành đất làm muối. Thí điểm dự án nuôi Artemia kết hợp trên ruộng muối, cung cấp cho thị trường nuôi trồng thủy sản, sản xuất giống, là hướng phát triển bền vững cho nghề làm muối.

e) Trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông thôn:

Quy hoạch 02 Trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông thôn tại khu vực xã Xuân Hải và Tri Hải, thuận lợi về giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, vùng sản xuất nông nghiệp, kết nối với quốc lộ 1, ĐT.702, ĐT.704, cảng biển Ninh Chữ, cụm công nghiệp Tri Hải,...Đảm bảo các nội dung: cung cấp trang thiết bị, vật tư, giống phục vụ nông nghiệp, các dịch vụ sau thu hoạch, trưng bày, giới thiệu sản phẩm và phân phối sản phẩm.

Mục tiêu: nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực nông nghiệp; là nơi tập kết và bao tiêu nông sản cho huyện Ninh Hải và khu vực lân cận, tạo động lực thúc đẩy nông nghiệp hàng hóa trên địa bàn huyện. Nâng cao chất lượng và tính cạnh tranh của nông sản, xây dựng thương hiệu nông sản địa phương, liên kết và hợp tác để đảm bảo lợi ích cho nông dân.

7.4.6. Định hướng phát triển hạ tầng xã hội vùng :

a) Phân bố hệ thống đào tạo vùng:

- Trung tâm cấp vùng tỉnh: Xây dựng Làng đại học tập trung của tỉnh tại khu vực trường Cao đẳng Sư phạm Ninh Thuận hiện hữu (Khánh Hải); trong đó có Viện Nghiên cứu nông nghiệp tại Trường Đại học Nông lâm.

- Trung tâm cấp vùng huyện: Hình thành Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên tại thị trấn Khánh Hải. Xây dựng Trường THCS Thanh Hải, trường chất lượng cao tại thị trấn Khánh Hải. Nâng cấp tất cả các trường trên địa bàn (cơ sở vật chất) để đạt chuẩn quốc gia

b) Phân bố hệ thống y tế vùng :

- Bệnh viện đa khoa huyện tại Khánh Hải.

- Xây dựng mới các bệnh viện chuyên khoa tại thị trấn Khánh Hải, đô thị Thanh Hải. để đảm bảo phục vụ nhu cầu của người dân khi dân số tăng cao. Khuyến khích



xã hội hóa, thu hút đầu tư các công trình y tế hiện đại, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, nhu cầu khám chữa bệnh chất lượng cao.

- Xây dựng mới Trạm Y tế Thanh Hải.

c) Phân bố hệ thống văn hóa, nghệ thuật, TDTT vùng :

- Trung tâm văn hóa, TDTT cấp vùng: Trung tâm Văn hóa-Thể thao huyện, sân vận động huyện, hồ bơi, Nhà tập luyện và thi đấu thể thao đa năng, Hội trường đa năng 400 chỗ tại thị trấn Khánh Hải.

- Trung tâm văn hóa – TDTT cấp tiểu vùng: Xây dựng Trung tâm văn hóa – thể thao, thư viện tại đô thị Thanh Hải.

- Nâng cấp và xây dựng mới các thiết chế Văn hóa-Thể thao cấp xã.

Bảo tồn và phát triển các loại hình văn hóa vật thể và phi vật thể của các đền thờ, tôn tạo nâng cấp các di tích lịch sử, nghệ thuật, các công trình tôn giáo trên địa bàn huyện.

d) Phân bố hệ thống dịch vụ thương mại:

- Trung tâm thương mại dịch vụ cấp vùng: Xây dựng trung tâm thương mại, siêu thị tại thị trấn Khánh Hải, trung tâm thương mại ở khu đô thị ven Đầm Nại. Xây dựng chợ đầu mối tổng hợp tại Khánh Hải, quy mô chợ hạng I.

- Trung tâm thương mại dịch vụ cấp tiểu vùng: Xây dựng trung tâm thương mại ở đô thị Thanh Hải. Đề xuất nâng quy mô chợ xã Xuân Hải thành chợ cụm xã Tân Hải – Xuân Hải – Hộ Hải đạt hạng II (xây mới).

- Chợ trung tâm xã: nâng cấp chợ Khánh Nhơn (xã Nhơn Hải), chợ Phước Nhơn (xã Xuân Hải), chợ Lương Cách (xã Hộ Hải) quy mô hạng III. Xây dựng mới chợ Nhơn Hải đảm bảo tiêu chí phục vụ cho đô thị Thanh Hải dự kiến.

8. Định hướng phân bố không gian bảo tồn, khu vực cấm xây dựng:

8.1. Các khu vực bảo tồn:

Vùng cảnh quan không gian mở: Vùng cảnh quan hồ, suối, kênh (hồ Ông Kinh, hồ Nước Ngọt, suối Đông Nha, Ông Kinh, Nước Ngọt, kênh Bắc,...) phục vụ cấp nước, thoát nước, sản xuất nông nghiệp.

Vùng cảnh quan tự nhiên:

- Bảo tồn phát triển duy trì hệ sinh thái Vườn quốc gia Núi Chúa thuộc Khu dự trữ sinh quyển thế giới gắn với việc cho thuê môi trường rừng dựa trên các quy định cụ thể tại Luật Lâm nghiệp, Luật Du lịch, Luật Thủy sản,... Phát triển du lịch sinh thái, góp phần giải quyết việc làm, thu hút các nguồn lực đầu tư để bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên rừng. Bảo tồn và phát triển tính đa dạng sinh học, bảo vệ khu bảo tồn rùa biển Thái An, nghiêm cấm các hành vi vi phạm pháp luật. Phát triển rừng phòng hộ, vùng đệm của Vườn quốc gia để bảo vệ môi trường, nguồn nước, giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu.

- Bảo vệ và phát triển hệ sinh thái ngập nước khu vực Đầm Nại. Tôn tạo, bảo vệ cảnh quan và môi trường sinh thái ven Đầm Nại phục vụ tiêu thoát nước, hành lang xanh, phát triển nuôi trồng thủy sản, du lịch.

- Vùng lâm nghiệp: Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, rừng sản xuất.



Vùng cảnh quan các khu di tích, danh thắng: bảo vệ, trùng tu và khai thác, phát huy giá trị các di tích văn hóa lịch sử, danh thắng gắn với việc đa dạng hóa sản phẩm du lịch. Bảo vệ vùng đệm của các di tích để nâng cao giá trị của di tích. Tăng cường vai trò của văn hóa với phát triển du lịch và du lịch cộng đồng, nâng cao chất lượng cuộc sống cho đồng bào các dân tộc vùng sâu, vùng xa.

## 8.2. Các khu vực cấm xây dựng:

Khu vực phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của Vườn quốc gia Núi Chúa, khu bảo tồn rùa biển Thái An (thuộc Khu dự trữ sinh quyển thế giới); các khu vực núi cao có địa hình phức tạp, độ dốc lớn, các khu vực dễ xảy ra lũ quét, sạt lở, ngập lụt,...

Khu bảo vệ nguồn nước sinh hoạt, khu quân sự, an ninh quốc phòng, các khu vực phân bố khoáng sản, các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia, hành lang an toàn giao thông, hành lang an toàn của các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật.

## 9. Định hướng Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật vùng:

### 9.1. Chuẩn bị kỹ thuật:

- Cao độ nền đất xây dựng: Cao độ khống chế nền xây dựng của các đô thị phải đảm bảo không bị ngập lụt, giữ được cảnh quan thiên nhiên, hạn chế đào đắp và tạo địa hình thoát nước tốt cho đô thị. Chọn cao độ khống chế Hxd >3m cho các đô thị để đảm bảo không bị ảnh hưởng của triều biển Đông và biến đổi khí hậu.

- Thoát nước mặt:

+ Đối với thị trấn Khánh Hải đã có mạng lưới thoát nước ở khu trung tâm, cần cải tạo xây dựng hệ thống thoát nước kín bằng cống tròn hoặc mương nắp đan, từng bước có các biện pháp tách dòng, cuối các miệng xả sẽ có hệ thống cống bao nước bản dẫn về trạm xử lý trước khi thoát ra đầm, biển.

+ Các khu vực xây dựng mới, khu vực đô thị mở rộng, đô thị Thanh Hải, khu đô thị ven Đầm Nai, cụm công nghiệp, các khu du lịch cần xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn để đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Định hướng chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng các điểm dân cư nông thôn:

+ Đối với các điểm dân cư nông thôn tại các khu vực có địa hình thấp cần phải tôn nền chống ngập nhưng chủ yếu là san đắp cục bộ khu vực xây dựng. Đối với khu vực có địa hình cao không bị ngập lụt chỉ san đắp tạo hướng dốc thoát nước, cân bằng đào đắp tại chỗ.

+ Đối với khu vực địa hình có độ dốc cao, đất xây dựng ít thuận lợi, cần có mật độ xây dựng thấp và thiết kế kiến trúc gắn với địa hình, tránh san lấp tạo mặt bằng để hạn chế phá vỡ mặt phủ tự nhiên.

+ Xây dựng hệ thống thoát nước chung. Không lấp kênh, suối, vùng trũng, cần tạo hồ chứa nước vào mùa lũ, chống hạn vào mùa khô.

- Định hướng quy hoạch thủy lợi:

+ Đẩy nhanh tiến độ dự án cải tạo Đầm Nai. Nâng cấp hồ Nước Ngọt, Ông Kinh, Vĩnh Hy. Xây dựng mới hồ Rẻ Quạt, Đá Bàn, Thái An 1, Thái An 2, Bãi Hời, Suối Sâu để điều hòa dòng chảy, cấp nước cho sinh hoạt, du lịch, công nghiệp và nông nghiệp trong mùa khô.



+ Nâng cấp các công trình thủy lợi hiện có, ưu tiên cho hệ thống thủy lợi ở các vùng trọng điểm lúa nước được quy hoạch. Bê tông hóa hệ thống kênh tưới cấp 2, 3, kênh tiêu lũ Màn Màn, kênh tiêu lũ từ bệnh viện ra Đầm Nại.

+ Xây dựng đê biển khu vực Nhơn Hải, đê bao Đầm Nại đoạn từ cầu Tri Thủy đến núi Cà Đú. Xây dựng đê biển Mỹ Hiệp – Mỹ Tân, đê biển Mỹ Tân – Mỹ Hòa kết hợp lấn biển. Cải tạo nâng cấp kè biển Mỹ Tân thành đê. Cải tạo nâng cấp kênh tiêu Cầu Ngòi, kênh tiêu Màn Màn, Suối Tỏi – Gò Thao (huyện Thuận Bắc), Lê Đình Chinh. Xây dựng hệ thống tiêu Mỹ Tường – Khánh Nhơn.

- Phòng chống thiên tai, phòng chống lũ: Xây dựng hệ thống dự báo và cảnh báo lũ, bão. Khai thông dòng chảy các suối để tăng khả năng thoát nước cho khu vực hồ Ông Kinh, hồ Thái An,...Khu vực tại thôn Thái An, xã Vĩnh Hải cần cải tạo, nâng cấp, mở rộng hệ thống tiêu thoát nước của khu vực. Xây dựng các hồ thủy lợi để phòng chống lũ và cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất, du lịch. Bảo vệ hệ thống đê kè, kênh tiêu theo quy hoạch thủy lợi đã phê duyệt. Trồng rừng đầu nguồn, cải tạo đất trồng đồi trọc, tăng độ che phủ rừng.

## 9.2. Giao thông:

### a) Đường bộ:

- Quốc lộ 1: nâng cấp đoạn qua tỉnh Ninh Thuận đạt chuẩn cấp II đồng bằng (năm 2020) và cấp I đồng bằng (sau năm 2030).

### - Đường tỉnh:

+ Đường ĐT.702, ĐT.704: nâng cấp mở rộng đường kết nối Cảng biển Ninh Chữ với Quốc lộ 1, quy mô 4 làn xe, trong đó đường ĐT.702 có lộ giới > 20 m, đường ĐT.704 có lộ giới 45m.

+ Đường tỉnh 704 nối dài: từ Lò Vôi (ĐT.704) qua cầu Tri Thủy đến thôn Láng Me (huyện Thuận Bắc). Nâng cấp mở rộng lộ giới 31m, quy mô 4 làn xe.

+ Đường tỉnh 705: nối quốc lộ 1 (Hộ Hải) - quốc lộ 27 (Mỹ Sơn), nâng cấp mở rộng, đạt cấp IV đồng bằng.

+ Xây dựng đường vành đai phía Bắc TP. Phan Rang – Tháp Chàm trên cơ sở nâng cấp và xây dựng mới các đoạn đường đi qua huyện Ninh Hải, Thuận Bắc nhằm liên kết, khai thác quỹ đất sản xuất kém hiệu quả hai bên trục đường để phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ.

- Đường huyện: nâng cấp mở rộng và xây dựng mới đường Tri Thủy – Bình Nghĩa, ĐH.13 (quốc lộ 1 – Phước Nhơn), ĐH.15 (nối từ đường vành đai đến ĐT.702), đường Tri Hải – Nhơn Hải,...đạt tiêu chuẩn cấp IV, V đồng bằng, tạo động lực phát triển kinh tế xã hội.

- Đường đô thị: Nâng cấp và xây dựng mới theo các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu đã được phê duyệt. Nâng cấp, mở rộng một số tuyến đường huyện, đường xã thành đường đô thị: ĐH.12 (Bình Nghĩa – Mỹ Tân), ĐH.16, đường ven núi Cà Đú, đường ven Đầm Nại,...Đồng bộ hóa các tuyến trục giao thông, nút giao thông gắn với chính trang đô thị, hạ tầng kỹ thuật ngầm. Tỷ lệ đất giao thông đô thị phải đạt 18-25% quỹ đất xây dựng đô thị.



- Giao thông nông thôn: nâng cấp mở rộng và xây dựng mới các tuyến đường liên xã, đường xã, 100% đường xã đạt tối thiểu loại A – GTNT, các tuyến đường trục xã đạt tiêu chuẩn cấp VI.

- Quy hoạch nút giao thông: tại các vị trí đường sắt cao tốc – ĐT.705, quốc lộ 1 – ĐT.705, quốc lộ 1 – ĐT.704.

- Bến bãi: xây dựng bến xe khách tại thị trấn Khánh Hải quy mô 1,15 ha và thôn Vĩnh Hy (xã Vĩnh Hải) quy mô 1 ha.

- Cầu trên tuyến: Xây dựng mới cầu Tri Thủy.

b) Đường sắt: nâng cấp đường sắt Bắc - Nam hiện hữu. Xây dựng đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam đạt tiêu chuẩn quốc tế.

c) Đường thủy: xây dựng cảng biển Ninh Chữ tiếp nhận tàu có trọng tải 10.000DWT, cảng chuyên dụng phục vụ du lịch khu vực Bình Tiên – Vĩnh Hy, Bình Sơn – Ninh Chữ. Cảng Vĩnh Hy chủ yếu phục vụ du lịch, tiếp nhận tàu 10.000 T. Nâng cấp cảng cá Mỹ Tân thành trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá khu vực phía Bắc của tỉnh. Xây dựng bến tàu du lịch tại Hòn Đò và Hòn Chông, là các bến du thuyền phục vụ phát triển du lịch cao cấp.

d) Giao thông công cộng: Tổ chức các tuyến giao thông công cộng bằng xe bus, xe taxi trên các tuyến đường chính, kết nối các trung tâm, khu du lịch, phục vụ người dân địa phương và khách du lịch.

### 9.3. Cấp nước:

Nguồn nước: do các hồ chứa nước hiện hữu trong khu vực có quy mô nhỏ, trữ lượng thấp, vào mùa khô thường thiếu nước. Mặt khác nhiều công trình thủy lợi của Ninh Hải chưa xây dựng nên hiện tại và tương lai cần phải sử dụng nguồn nước mặt của đập Nha Trinh để cung cấp cho các nhà máy nước, đảm bảo nhu cầu sinh hoạt, công nghiệp, du lịch.

Tổng nhu cầu dùng nước toàn huyện năm 2020 là 10.200 m<sup>3</sup>/ngđ, đến năm 2025 là 12.500 m<sup>3</sup>/ngđ, năm 2030 là 17.400 m<sup>3</sup>/ngđ, năm 2040 là 22.000 m<sup>3</sup>/ngđ.

Các nhà máy nước chính: Nguồn nước cấp chính cho huyện dẫn từ nhà máy nước TP. Phan Rang – Tháp Chàm với công suất hiện hữu 52.000m<sup>3</sup>/ngđ về để cấp cho các nhu cầu dùng nước của sinh hoạt, sản xuất cũng như phát triển du lịch của vùng huyện Ninh Hải:

- Xây dựng đường ống cấp nước chạy dọc quốc lộ 1. Trên tuyến có trạm tăng áp để cấp cho khu đô thị ven Đầm Nại, các xã lân cận.

- Tuyến ống hiện hữu và dự kiến trên đường ĐT.702 cấp cho thị trấn Khánh Hải, khu vực Vĩnh Hy, đô thị Thanh Hải, cụm công nghiệp Tri Hải và các khu du lịch.

Cấp nước nông thôn và các khu du lịch ở Vĩnh Hải: Nâng cấp các trạm cấp nước nông thôn hiện hữu ở xã Vĩnh Hải, Phương Hải, Xuân Hải, Tân Hải. Nâng cấp mở rộng những trạm cấp nước đạt hiệu quả kinh tế cao, đầu tư xây dựng tuyến ống truyền tải, phân phối nước cho các điểm dân cư, cụm dân cư ở xa. Khi có tuyến ống cấp nước sạch dẫn nước từ nhà máy nước Phan Rang – Tháp Chàm dẫn về đi qua các



khu vực trạm cấp nước nông thôn thì sẽ chuyển đổi các trạm cấp nước nông thôn thành trạm bơm tăng áp lấy nguồn từ mạng lưới chung.

Có các giải pháp về bảo vệ nguồn nước và các công trình đầu mối cấp nước.

#### 9.4. Cấp điện:

- Nguồn điện: Hiện nay huyện Ninh Hải được cấp điện từ nguồn điện lưới quốc gia, qua trạm 220/100kV – 2x125MVA Tháp Chàm 2 và trạm 110/22kV – 2x25MVA Ninh Hải. Dự kiến trạm 220kV Tháp Chàm 2 sẽ nâng công suất lên 2x250MVA vào năm 2025, trạm 110kV Ninh Hải sẽ nâng công suất lên 25+40MVA vào năm 2023 và lên 2x40MVA trong khoảng năm 2031 – 2035.

- Trạm biến thế 220, 110kV: trạm Tháp Chàm 2 220/110kV nâng lên 2x250MVA (năm 2025), trạm Ninh Hải 110/22kV nâng lên 2x40MVA (giai đoạn 2031-2035). Xây dựng mới trạm Mỹ Phong 110/22kV công suất 1x40MVA (năm 2019) và 2x40MVA (năm 2024).

- Tuyến 220kV hiện có: NMD Vĩnh Tân – Trạm 220kV Tháp Chàm 2, NMD Đa Nhim – Trạm 220kV Tháp Chàm 2. Xây dựng tuyến 220kV Trạm 220kV Tháp Chàm 2 – Nha Trang.

- Tuyến 110kV hiện có: Trạm 220kV Tháp Chàm 2 -Trạm 110kV Tháp Chàm; Đa Nhim – Trạm 220kV Tháp Chàm 2 – Cam Ranh; Trạm 220kV Tháp Chàm 2 – Trạm 110kV Ninh Hải – Cam Ranh. Xây dựng tuyến 110kV: Trạm 220kV Tháp Chàm 2 – Ninh Phước, Trạm 220kV Tháp Chàm 2 – Ninh Hải – Mỹ Phong.

- Lưới phân phối: Các tuyến trung thế 22kV hiện hữu như tuyến 575 Đô Vinh – Xuân Hải – Lợi Hải – Phước Kháng từ trạm 110kV Tháp Chàm; tuyến 577 Phước Mỹ – Đài Sơn – Văn Hải – Khánh Hải từ trạm 110kV Tháp Chàm; tuyến 478 Phương Hải – Nhơn Hải – Vĩnh Hải – Bắc Sơn từ trạm 110kV Ninh Hải. Xây dựng các tuyến trung thế mới đáp ứng yêu cầu quy hoạch.

- Năng lượng khác: phát triển các nguồn năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, năng lượng gió, biogas.

- Năng lượng gió:

+ Theo “Quy hoạch phát triển điện gió ven biển tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045“, khu vực ven biển tỉnh Ninh Thuận dự kiến sẽ xây dựng các nhà máy điện gió có công suất lớn, gồm 3 vùng : Vùng 1, 2 và 3. Trong đó Vùng 1 tính từ mũi Đá Vách đến Hòn Đỏ thuộc huyện Ninh Hải, gồm 5 vị trí từ V1-1 đến V1-5, với diện tích 21.565ha, tiềm năng công suất 1.370MW. Để kết nối các nhà máy điện gió thuộc Vùng 1 vào lưới điện quốc gia, dự kiến xây dựng một trạm nâng áp 33/500kV tại ven biển thuộc xã Nhơn Hải, từ trạm này xây dựng tuyến 500kV đấu nối vào trạm 500/220kV Ninh Sơn dự kiến.

+ Trên đất liền, huyện Thuận Bắc có nhà máy điện gió Trung Nam (2x63MVA), trên địa bàn huyện Thuận Bắc và Ninh Hải có nhà máy điện gió Đầm Nại (40MVA), dự án nhà máy điện gió Hanbaram (32,3MW).

+ Triển khai dự án Nhà máy điện mặt trời Solar Farm Nhơn Hải công suất 35 MWp, dự kiến hoàn thành trong năm 2020 – 2021. Khu vực lân cận huyện Ninh Hải dự kiến có nhà máy điện mặt trời Xuân Thiện (200MW), Trung Nam (204MW).



## 9.5. Thông tin liên lạc:

### 9.5.1. Viễn thông và công nghệ thông tin:

- Dự báo nhu cầu: Đến năm 2030 có khoảng 136.800 thuê bao di động, 11.400 thuê bao cố định, 34.200 thuê bao internet. Đến năm 2040 có khoảng 182.000 thuê bao di động, 14.000 thuê bao cố định, 52.500 thuê bao internet.

- Hệ thống chuyên mạch : (Hệ thống tổng đài điều khiển và tổng đài vệ tinh)

+ Giai đoạn đến năm 2030: Nâng cấp hệ thống cáp quang đến tất cả các trung tâm các xã, thôn hiện có.

+ Giai đoạn 2030 – 2040: Phát triển mạng truyền dẫn quang theo mô hình mạng NGN đa dịch vụ. Xây dựng mạng truyền dẫn cáp quang đến từng thuê bao. Nâng cấp dung lượng các tuyến truyền dẫn.

+ Đến năm 2040: xây dựng tuyến cáp quang đến 100% các hộ dân thuê bao.

- Hệ thống truyền dẫn: Chủ yếu do Tổng công ty Viễn thông Việt Nam-VNPT, Công ty Viễn thông quân đội (Viettel), Công ty viễn thông điện lực (EVN) đầu tư xây dựng, quản lý và sử dụng, các doanh nghiệp khác thuê lại đường truyền hoặc trao đổi hạ tầng mạng.

- Hệ thống mạng ngoại vi:

+ Xu hướng sử dụng chung cơ sở hạ tầng mạng ngoại vi để đảm bảo tiết kiệm nguồn vốn đầu tư và đảm bảo mỹ quan đô thị. Tại những khu vực chưa đủ điều kiện thực hiện ngầm hóa, tiến hành cải tạo hạ tầng mạng cáp ngoại vi (buộc gọn hệ thống dây cáp,...).

+ Tại những khu vực xây dựng mới hạ tầng mạng cáp ngoại vi (khu dân cư, khu đô thị mới, tuyến đường mới xây dựng...) thực hiện ngầm hóa toàn bộ hạ tầng mạng cáp ngoại vi tới thuê bao, cụm thuê bao.

- Công nghệ thông tin: nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho các cơ quan quản lý Nhà nước, đơn vị hành chính sự nghiệp để hoàn thiện Chính phủ điện tử. Công nghệ mạng thế hệ tiếp theo (Next Generation Networks - NGN), Công nghệ WiMax, Công nghệ 4G, 5G được khuyến khích và Mobile Internet sẽ là công nghệ chủ yếu được khai thác trong những năm tiếp theo.

### 9.5.2. Hệ thống bưu chính:

- Mạng lưới bưu cục vẫn tổ chức theo 3 cấp như hiện nay, gồm 01 bưu điện đặt tại trung tâm huyện Ninh Hải, các bưu cục cấp và mạng lưới các điểm bưu điện văn hóa xã, thị trấn.

- Mở rộng mạng lưới điểm phục vụ bằng các đại lý bưu điện, đại lý đa dịch vụ và kiốt tại các điểm dân cư đô thị và các tại vùng nông thôn.

## 9.6. Quản lý chất thải và nghĩa trang:

### 9.6.1. Thoát nước thải:

- Lưu lượng nước thải toàn huyện năm 2020 khoảng 6.600 m<sup>3</sup>/ngđ, đến năm 2025 khoảng 8.000 m<sup>3</sup>/ngđ, đến năm 2030 khoảng 11.200 m<sup>3</sup>/ngđ và đến năm 2040 khoảng 14.100 m<sup>3</sup>/ngđ.

- Thoát nước thải sinh hoạt các đô thị:



+ Đối với thị trấn Khánh Hải đang sử dụng hệ thống công chung: Xây dựng hệ thống thoát nước chung một nửa (có cống bao tách nước thải và trạm xử lý nước thải), các hố ga tách dòng để thu gom nước thải về nhà máy xử lý nước thải.

+ Xây dựng hệ thống nước thải riêng (nước mưa riêng) có trạm xử lý cho đô thị Thanh Hải và các khu vực xây dựng mới của thị trấn Khánh Hải, khu đô thị ven Đầm Nai.

+ Nước thải sinh hoạt tại các đô thị phải được xử lý đạt giới hạn theo QCVN14-2008/BTNMT trước khi xả ra môi trường. Nước thải của bệnh viện, phòng khám đa khoa cần phải được xử lý đạt giới hạn B của TCVN 7222-2002 và khử trùng trước khi xả ra hệ thống công của đô thị.

+ Nâng công suất trạm xử lý nước thải hiện hữu thị trấn Khánh Hải đến năm 2025 lên 3.000m<sup>3</sup>/ngđ, đến năm 2030 là 5.000m<sup>3</sup>/ngđ và đến năm 2040 là 7.000m<sup>3</sup>/ngđ để thu gom và xử lý nước thải cho thị trấn Khánh Hải, khu đô thị ven Đầm Nai và các cụm dân cư tập trung. Xây dựng trạm xử lý nước thải công suất đến năm 2030 là 2.500 m<sup>3</sup>/ngđ, đến năm 2040 là 3.500m<sup>3</sup>/ngđ nhằm thu gom và xử lý nước thải cho đô thị Thanh Hải.

- Thoát nước thải công nghiệp: Xây dựng trạm xử lý nước thải công suất đến năm 2040 là 500 m<sup>3</sup>/ngđ nhằm thu gom và xử lý nước thải cho cụm công nghiệp Tri Hải. Nước thải ở cụm công nghiệp phải được xử lý đạt loại A của QCVN40-2011/BTNMT trước khi xả ra nguồn. Nước thải của xí nghiệp, nhà máy có mức độ độc hại cao cần phải xử lý sơ bộ đến tiêu chuẩn cho phép trước khi xử lý tập trung.

- Thoát nước thải dân cư nông thôn: Khu vực Vĩnh Hy, các cụm dân cư nông thôn tập trung, khu du lịch xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải chung, xử lý bằng hồ sinh học tự nhiên.

#### 9.6.2. Quản lý chất thải rắn (CTR):

- Lượng chất thải rắn sinh hoạt toàn huyện năm 2020 khoảng 56 tấn/ngày, năm 2025 khoảng 80 tấn/ngày, năm 2030 khoảng 96 tấn/ngày, năm 2040 khoảng 126 tấn/ngày.

- Lượng chất thải rắn công nghiệp đến năm 2025 khoảng 3 tấn/ngày, năm 2030 khoảng 9 tấn/ngày, năm 2040 khoảng 12 tấn/ngày.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí điểm trung chuyển. CTR sinh hoạt có thể tái chế và sản xuất phân hữu cơ chuyển về khu xử lý Nam Thành; CTR xây dựng, CTR sinh hoạt không thể tái chế, phân bùn sẽ chôn lấp tại khu xử lý cấp huyện.

- Chất thải rắn công nghiệp: giai đoạn đầu xử lý tại khu xử lý Nam Thành, dài hạn CTR công nghiệp nguy hại đốt tại khu xử lý CTR Chà Bang, huyện Thuận Nam; CTR công nghiệp không nguy hại xử lý tại khu xử lý CTR Nam Thành, huyện Thuận Bắc. Phần CTR công nghiệp cần chôn lấp sẽ xử lý tại khu xử lý CTR huyện.

- Chất thải rắn bệnh viện: CTR y tế sẽ được thu gom và xử lý riêng bằng lò đốt đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định.

- Khu xử lý chất thải rắn cấp vùng huyện: Xây dựng khu xử lý CTR huyện Ninh Hải quy mô 20ha tại eo núi Hòn Nhọn - Hòn Ngang (xã Nhơn Hải), phục vụ cho các đô thị, cụm công nghiệp, các khu du lịch. Công nghệ chủ yếu là chôn lấp hợp vệ sinh và chế biến phân vi sinh.



- Xây dựng bãi chôn lấp hợp vệ sinh quy mô 10 - 20 ha dùng cho khu vực Vĩnh Hy và các cụm dân cư xã. Các trung tâm xã bố trí các khu chôn lấp hợp vệ sinh quy mô 10-20ha.

#### 9.6.3. Nghĩa trang:

- Nghĩa trang cấp vùng huyện: có công nghệ hỏa táng phục vụ cho toàn vùng huyện khi có nhu cầu.

+ Nghĩa trang Đào Viên (thị trấn Khánh Hải): quy mô 12,3 ha, phục vụ cho thị trấn Khánh Hải, đô thị Thanh Hải và các xã xung quanh (có khoảng cách phù hợp).

+ Nghĩa trang Yên Bình (xã Tri Hải): quy mô 16,17 ha, phục vụ cho thị trấn Khánh Hải, đô thị Thanh Hải và các xã xung quanh (có khoảng cách phù hợp).

+ Nghĩa trang núi Ông Thuần (xã Nhơn Hải): quy mô 16,47 ha, phục vụ cho đô thị Thanh Hải và các xã xung quanh (có khoảng cách phù hợp).

+ Nghĩa trang An Xuân (xã Xuân Hải): quy mô 17,8 ha, phục vụ cho xã Xuân Hải và các xã xung quanh (có khoảng cách phù hợp).

+ Nghĩa trang Đồng Tròn (xã Vĩnh Hải): quy mô 6,4 ha, phục vụ cho xã Vĩnh Hải và các khu vực lân cận.

- Tại các cụm dân cư tập trung xây dựng các nghĩa trang riêng phù hợp với quy mô dân số và không làm ảnh hưởng đến môi trường.

### 9.7. Định hướng bảo vệ môi trường

#### 9.7.1. Phân vùng bảo vệ môi trường:

- Phân vùng bảo vệ môi trường của khu vực phát triển đô thị; khu vực nông thôn; khu vực phát triển công nghiệp; khu vực phát triển văn hóa, du lịch; khu vực nông nghiệp; khu vực đất lâm nghiệp.

- Tăng cường sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái chế, hạn chế các nguồn gây ô nhiễm, phát thải gây hiệu ứng nhà kính và ứng phó với biến đổi khí hậu.

#### 9.7.2. Quy định về môi trường đối với từng khu vực:

- Bảo tồn và phát triển tính đa dạng sinh học của Vườn quốc gia Núi Chúa (thuộc Khu dự trữ sinh quyển thế giới). Phát triển rừng phòng hộ, vùng đệm của Vườn quốc gia. Tổ chức ổn định đời sống dân cư trong vùng lâm nghiệp, bảo vệ môi trường sinh thái bền vững.

- Cụm công nghiệp tập trung phải có khoảng cách ly vệ sinh với khu dân cư đảm bảo theo quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

- Khu vực xây dựng nghĩa trang tập trung, khu xử lý chất thải rắn phải đảm bảo khoảng cách ly vệ sinh môi trường.

- Hệ thống xử lý nước thải: vùng đệm khu xử lý nước thải sẽ xây dựng hàng rào quanh công trình, trồng cây xanh với chiều rộng 10m.

10. Chương trình, dự án ưu tiên đầu tư, dự kiến nguồn thực hiện và các vấn đề về tổ chức thực hiện: Thống nhất Chương trình, dự án ưu tiên đầu tư, dự kiến nguồn thực hiện và các vấn đề về tổ chức thực hiện theo hồ sơ quy hoạch trình phê duyệt.

11. Thành phần và chất lượng hồ sơ: Thực hiện theo quy định đối với hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng theo quy định tại Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định về Quy định chi tiết một số nội dung về quy



hoạch xây dựng và Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của Nhiệm vụ và Đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

12. Chi phí lập quy hoạch: Kinh phí lập đồ án quy hoạch theo giá trị đã được phê duyệt tại Quyết định số 1433/QĐ-BXD ngày 06/11/2018 của Bộ Xây dựng.

Chi phí lập quy hoạch là: **1.806.000.000đ** (Một tỷ tám trăm linh sáu triệu đồng chẵn). Đính kèm chi tiết theo Phụ lục 2 của 1433/QĐ-BXD ngày 06/11/2018 của Bộ Xây dựng.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

1. Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải có trách nhiệm:

- Thời gian 15 ngày kể từ ngày quyết định phê duyệt được ký, tổ chức công bố công khai đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện nông thôn mới huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2040 để nhân dân trong khu vực và các đơn vị, cá nhân có liên quan được biết và thực hiện.

- Bàn giao hồ sơ đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện nông thôn mới huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2040 theo quy định.

- Trên cơ sở quy hoạch xây dựng vùng đã được duyệt, lập kế hoạch thực hiện Quy hoạch xây dựng vùng huyện nông thôn mới huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2040 theo quy định hiện hành.

- Chủ động rà soát điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất khác với quy hoạch xây dựng vùng huyện nông thôn mới huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2040 đã được duyệt tại Điều 1 của Quyết định này để đảm bảo đồng bộ về quy hoạch.

- Hướng dẫn, đôn đốc Ủy ban nhân dân các xã thuộc địa bàn quản lý lập các đồ án quy hoạch xây dựng trung tâm xã và điểm dân cư nông thôn trên địa bàn xã theo định hướng quy hoạch chung được duyệt.

2. Ủy ban nhân dân các xã có trách nhiệm: tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân huyện triển khai đồ án quy hoạch xây dựng trung tâm xã và điểm dân cư nông thôn trên địa bàn xã. Trường hợp vướng mắc, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân huyện hoặc Sở Xây dựng để được hướng dẫn, giải quyết trong quá trình quản lý quy hoạch xây dựng.

3. Sở Xây dựng có trách nhiệm:

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải trên cơ sở đồ án quy hoạch xây dựng vùng đã được duyệt triển khai lập các đồ án quy hoạch xây dựng theo phân cấp để làm cơ sở quản lý và kêu gọi các dự án đầu tư theo quy hoạch đã duyệt.

- Chỉ đạo Thanh tra Xây dựng thực hiện chức năng kiểm tra, quản lý, theo dõi việc triển khai đồ án quy hoạch xây dựng đã được duyệt.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

- Kêu gọi đầu tư dự án theo quy hoạch xây dựng vùng huyện nông thôn mới huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2040 được duyệt.

- Tích hợp quy hoạch xây dựng vùng huyện nông thôn mới huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2040 được duyệt vào quy hoạch tỉnh trong thời gian đến.



**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Tài chính, Công thương, Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thuộc địa bàn huyện Ninh Hải, Chánh Thanh tra Xây dựng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chủ đầu tư (03 bộ);
- VPUB: LĐVP, KTTH, TCD-NC;
- Lưu: VT. TL

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Phạm Văn Hậu*

**Phạm Văn Hậu**